

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2013/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 78/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 121/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 17/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2007 quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc mở, sử dụng tài khoản; đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản và tiến độ chuyển ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các nhà đầu tư Việt Nam sau khi được phép đầu tư ra nước ngoài và việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các nhà đầu tư Việt Nam (sau đây gọi là “nhà đầu tư”) gồm người cư trú là tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng) và cá nhân được thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các nhà đầu tư.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được hoạt động ngoại hối và cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật.

2. Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài bằng ngoại tệ (sau đây gọi là tài khoản vốn đầu tư trực tiếp) là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư mở tại một tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam để thực hiện các giao dịch liên quan đến dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

3. Đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài là việc nhà đầu tư thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp mở tại tổ chức tín dụng được phép để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (sau đây gọi là đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn).

4. Đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài là việc nhà đầu tư sau khi đã đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn với Ngân hàng nhà nước hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, có phát sinh thay đổi so với nội dung tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn, phải làm thủ tục đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo qui định tại Thông tư này (sau đây gọi là đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn).

5. Xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn là việc Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản xác nhận nhà đầu tư đã thực hiện đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn theo quy định tại Thông tư này.

6. Xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn là việc Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản xác nhận nhà đầu tư đã thực hiện đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP

Điều 4. Mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp

1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư phải mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại một tổ chức tín dụng được phép và thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo quy định tại Chương III Thông tư này.

2. Mọi giao dịch chuyển ngoại tệ từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài vào Việt Nam liên quan đến dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài phải được thực hiện thông qua tài khoản này.

3. Nhà đầu tư có nhiều dự án đầu tư ở nước ngoài phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp riêng biệt cho từng dự án.

4. Trường hợp dự án đầu tư ở nước ngoài có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, mỗi nhà đầu tư phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp riêng biệt tại cùng 01 tổ chức tín dụng được phép để chuyển ngoại tệ trong phạm vi giá trị vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

5. Khi có nhu cầu mở tài khoản tại một tổ chức tín dụng được phép khác, nhà đầu tư thực hiện các bước sau:

a) Nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại tổ chức tín dụng được phép mới và thực hiện đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo quy định tại Chương III Thông tư này. Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm sao gửi văn bản xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp của nhà đầu tư cho tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang sử dụng tài khoản;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, nhà đầu tư phải thực hiện việc đóng và chuyển toàn bộ số dư của tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đang sử dụng sang tài khoản tại tổ chức tín dụng được phép mới. Tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp có trách nhiệm tất toán tài khoản cho nhà đầu tư và không cho phép nhà đầu tư sử dụng tài khoản này để thực hiện các giao dịch thu chi quy định tại Điều 5 Thông tư này sau thời hạn nói trên;

c) Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại tổ chức tín dụng mới chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu chi quy định tại Điều 5 Thông tư này sau khi hoàn tất các thủ tục nêu tại Điểm a, b Khoản này.

Điều 5. Các giao dịch thu chi trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp

Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi sau đây:

1. Các giao dịch thu:

- a) Thu từ tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư;
- b) Thu từ nguồn ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng được phép phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Thu từ nguồn ngoại tệ đi vay (bao gồm các khoản vay trong và ngoài nước) phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- d) Thu từ lợi nhuận chuyển về nước từ hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;
- đ) Thu vốn bằng ngoại tệ đã đầu tư về Việt Nam khi giảm vốn, thanh lý hoặc kết thúc hoạt động đầu tư ở nước ngoài;
- e) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay cổ đông đối với dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- g) Các giao dịch thu khác liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

2. Các giao dịch chi:

- a) Chi chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài;
- b) Chi cho vay cổ đông đối với dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Chi chuyển ngoại tệ vào tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư;
- d) Các giao dịch chi khác liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

Chương III**ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP, TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI****Điều 6. Thẩm quyền xử lý việc đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn**

- 1. Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) thực hiện việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn cho nhà đầu tư là tổ chức tín dụng.
- 2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở chính hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú thực hiện việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn cho nhà đầu tư khác không phải là tổ chức tín dụng.

Điều 7. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn

- 1. Sau khi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và trước khi thực hiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, nhà đầu tư gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến

Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở chính, nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú một (01) bộ hồ sơ đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn ra nước ngoài theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét hồ sơ, trường hợp cần thêm thông tin để đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung tài liệu, thông tin cần thiết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của nhà đầu tư.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn để làm cơ sở cho nhà đầu tư chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở tại tổ chức tín dụng được phép.

4. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Điều 8. Hồ sơ đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn

Hồ sơ đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn bao gồm:

1. Đơn đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này).

2. Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với nhà đầu tư là tổ chức); Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với nhà đầu tư là cá nhân).

3. Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

4. Bản sao tiếng nước ngoài, bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của nhà đầu tư về tính chính xác của bản sao và bản dịch) văn bản chấp thuận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc các giấy tờ khác thể hiện dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

5. Bản chính văn bản về tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của dự án do nhà đầu tư lập.

6. Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về việc mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư.